

**CÔNG TY CỔ PHẦN OSACO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN OSACO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OSACO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: OSACO.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108199253

**3. Ngày thành lập:** 26/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 47 Phạm Tuấn Tài, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437542520

Fax:

Email: [osaco.jsc@gmail.com](mailto:osaco.jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                    | 1062     |
| 2.  | Sản xuất đường                                                                   | 1072     |
| 3.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                     | 1074     |
| 4.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                    | 1080     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống           | 4620     |
| 6.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | <p>Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Rang và lọc cà phê</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc</li> <li>- Sản xuất các chất thay thế cà phê</li> <li>- Trộn chè và chất phụ gia</li> <li>- Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm</li> <li>- Sản xuất súp và nước xuyết</li> <li>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần Hooc môn</li> <li>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt Madonne, bột mù tạc và mù tạc</li> <li>- Sản xuất giấm</li> <li>- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo</li> <li>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hư hỏng như: Bánh Sandwich, bánh Pizza</li> <li>- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã)</li> <li>- Sản xuất men bia</li> <li>- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm</li> <li>- Sản xuất sữa tách bơ và bơ</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng</li> <li>- Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo</li> </ul> | 1079(Chính) |
| 8.  | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá</p> <p>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 9.  | <p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh</li> <li>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4932        |
| 10. | <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng oto chuyên dụng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710        |
| 12. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210        |
| 14. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1061        |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 16. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4631        |

|     |                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                            | 4690 |
| 18. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                              | 1040 |
| 19. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                | 1071 |
| 20. | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                           | 1073 |
| 21. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                        | 1075 |
| 22. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                      | 1623 |
| 23. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa          | 1702 |
| 24. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CÔNG MINH | 139, tổ 9B, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 10.000.000.000        | 66,667    | 012708007                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 10.000.000.000        | 66,667    |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THANH HUYỀN | Thôn 4, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 35.000     | 3.500.000.000         | 23,333    | 112457051                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 35.000     | 3.500.000.000         | 23,333    |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN NGỌC LÂM    | Tổ 3, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 1.500.000.000         | 10,000    | 013112302                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 15.000     | 1.500.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112457051

Ngày cấp: 30/10/2012

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 4, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu 5, tập thể Tòa án, Thị trấn Trạm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội